

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119      Fax: 0254.3823120

**II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119      Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: 24h

**III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:** Báo cáo tài chính quý IV/2017

*Thông tin này đã được công bố trên Website của TRC tại địa chỉ: <http://trc.com.vn>*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2018

**Người thực hiện công bố thông tin**



*Nguyễn Nhật Thành Lâm*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**  
**PHÒNG KẾ TOÁN - TÀI VỤ**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ IV NĂM 2017**

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*  
*BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*  
*BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*  
*BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

*Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>192,493,741,521</b>	<b>183,815,822,833</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>118,324,370,593</b>	<b>136,535,945,334</b>
Tiền	111		38,324,370,593	16,208,274,100
Các khoản tương đương tiền	112		80,000,000,000	120,327,671,234
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50,000,000,000</b>	<b>20,000,000,000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50,000,000,000	20,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5,645,636,825</b>	<b>12,974,070,174</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		7,784,698,046	15,275,474,690
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,200,882,500	1,585,225,000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		2,191,138,638	2,000,338,359
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5,531,082,359)	(5,886,967,875)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>18,477,240,976</b>	<b>13,053,987,208</b>
Hàng tồn kho	141		18,477,240,976	13,053,987,208
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>46,493,127</b>	<b>1,251,820,117</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	50,805,163
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		46,493,127	1,201,014,954
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>143,023,661,594</b>	<b>141,274,433,234</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47,964,262,251</b>	<b>46,154,853,016</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		47,794,262,252	45,928,186,350
Nguyên giá	222		110,879,338,944	104,938,488,810
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63,085,076,692)	(59,010,302,460)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		169,999,999	226,666,666
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(170,000,001)	(113,333,334)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>67,150,173,451</b>	<b>66,945,862,724</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		67,150,173,451	66,945,862,724
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>26,811,175,704</b>	<b>26,811,175,704</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,098,050,188</b>	<b>1,362,541,790</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		904,265,830	777,780,056
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		193,784,358	584,761,734
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>335,517,403,115</b>	<b>325,090,256,067</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>23,245,983,802</b>	<b>17,657,104,816</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23,245,983,802</b>	<b>17,657,104,816</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,577,743,757	301,047,316
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,927,680,000	930,000,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		2,083,288,060	1,552,000
Phải trả người lao động	314		7,093,542,643	4,328,858,406
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1,457,872,986	3,352,376,063
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		1,881,941,210	2,032,185,885
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		7,223,915,146	6,711,085,146
Quỹ bình ố giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>312,271,419,313</b>	<b>307,433,151,251</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>312,271,419,313</b>	<b>307,433,151,251</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		93,017,963,251	91,957,636,159
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26,753,456,062	22,975,515,092
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	431,360,950
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		26,753,456,062	22,544,154,142
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT  
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN  
( Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

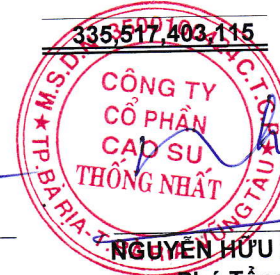
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>335,517,403,115</b>	<b>325,090,256,067</b>



TRẦN HỮU TRÍ  
Người lập biểu



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM  
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG  
Phó Tổng Giám đốc  
Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2018

1004  
G TY  
HÀN  
SU  
NHÀ  
RI A


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

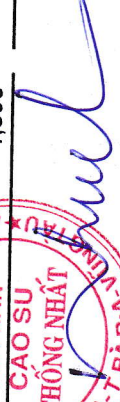
Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		VND	VND	VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28,270,514,850	21,668,028,275	76,534,565,740	58,721,368,820
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần	28,270,514,850	21,668,028,275	76,534,565,740	58,721,368,820
11	Giá vốn hàng bán	23,235,638,342	20,849,806,684	61,777,435,583	55,950,168,585
20	Lợi nhuận gộp	5,034,876,508	818,221,591	14,757,130,157	2,771,200,235
21	Doanh thu hoạt động tài chính	2,755,550,482	2,586,862,975	22,185,008,727	25,199,381,639
22	Chi phí tài chính	-	-	-	-
23	Trong đó: chi phí lãi vay	-	-	-	-
24	Chi phí bán hàng	48,816,291	10,342,800	110,301,113	55,104,020
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,512,046,449	1,467,160,977	9,125,234,234	6,680,719,037
30	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4,229,564,250	1,927,580,789	27,706,603,537	21,234,758,817
31	Thu nhập khác	1,243,169,483	168,226,250	4,012,423,351	2,623,069,922
32	Chi phí khác	1,430,486,397	251,834,487	2,402,324,994	212,819,742
40	Lợi nhuận khác	(187,316,914)	(83,608,237)	1,610,098,357	2,410,250,180
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,042,247,336	1,843,972,552	29,316,701,894	23,645,008,997
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	48,925,086	361,633,205	2,172,268,456	1,004,841,031
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	380,497,376	32,424,560	390,977,376	96,013,824
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3,612,824,874	1,449,914,787	26,753,456,062	22,544,154,142
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	188	75	1,390	1,171
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	188	76	1,390	1,171



**TRẦN HỮU TRÌ**  
Người lập bảng



**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG**  
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		29,316,701,894	23,645,008,997
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		5,525,447,226	5,039,788,954
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(355,885,516)	(2,366,051,591)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23,723,509,289)	(25,270,801,577)
Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>10,762,754,315</b>	<b>1,047,944,783</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		8,489,645,855	(6,330,609,908)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(5,423,253,768)	6,247,694,438
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		4,009,341,040	(4,976,280,691)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(126,485,774)	(287,636,348)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,131,334,010)	(2,722,334,498)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		32,280,000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5,634,638,000)	(3,016,455,875)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>10,978,309,658</b>	<b>(10,037,678,099)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(9,558,503,899)	(13,445,832,404)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		3,759,837,273	242,632,000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40,000,000,000)	(10,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		10,000,000,000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,983,008,727	24,913,781,639
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(13,815,657,899)</b>	<b>1,710,581,235</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15,374,226,500)	(9,607,928,300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(15,374,226,500)</b>	<b>(9,607,928,300)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(18,211,574,741)</b>	<b>(17,935,025,164)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>136,535,945,334</b>	<b>154,470,970,498</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>		<b>118,324,370,593</b>	<b>136,535,945,334</b>

S.W. \* TP.



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

**TRẦN HỮU TRÍ**  
Người lập bảng

**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Kế toán trưởng

**NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG**  
Phó Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Quý IV Năm 2017

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016, vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

**3. Ngành nghề kinh doanh:** Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

##### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

##### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Nông Trường Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Phong Phú - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Xi nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng:**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty.

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### **5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

01004

NG T  
PHẦN  
CAO SU  
NG NH

BÀ RI

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

#### **7. Tài sản cố định vô hình**

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

#### **8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)**

##### **8.1 Vườn cây cao su**

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

##### **8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

#### **9. Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

#### 10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### 12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

#### 13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

#### 15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhон	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	615.198.463	714.873.088
- Tiền gửi ngân hàng	37.709.172.130	15.493.401.012
- Các khoản tương đương tiền	130.000.000.000	120.327.671.234
<b>Tổng cộng:</b>	<b>168.324.370.593</b>	<b>136.535.945.334</b>

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	459.357.468		459.357.468
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	110.769		110.769
Tại quỹ NTCS Phong Phú	16.035		16.035
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	27.048		27.048
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	155.687.143		155.687.143
<b>Tổng cộng:</b>	<b>615.198.463</b>	<b>-</b>	<b>615.198.463</b>

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	7.133.062.763		7.133.062.763
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	8.159.128.478		8.159.128.478
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	20.274.524.029		20.274.524.029
BIVDBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2.142.456.860		2.142.456.860
<b>Tổng cộng:</b>	<b>37.709.172.130</b>	<b>-</b>	<b>37.709.172.130</b>

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	80.000.000.000	120.327.671.234
<b>Tổng cộng:</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>120.327.671.234</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
b1) Ngắn hạn	50.000.000.000	50.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	50.000.000.000	50.000.000.000		20.000.000.000	20.000.000.000	
b2) Dài hạn						
c) Đầu tư góp	Cuối kỳ			Đầu năm		

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

vốn vào đơn vị khác	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704		26.811.175.704	26.811.175.704		26.811.175.704

(\*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1,796,000 USD tương đương với 26,811,175,704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>7.784.698.046</b>	<b>5.213.262.359</b>	<b>15.275.474.690</b>
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.219.180.000	4.219.180.000	4.219.180.000
Châu Thị Hồng Điệp	53.978.400		24.161.760
Nguyễn Thị Thu Hồng			37.595.070
Huỳnh Thị Thanh Hương	13.087.620		13.923.000
Công ty cổ phần Long sơn			6.709.483.383
Công ty TNHH QUILON VN	1.323.617.585		1.684.386.446
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình	14.896.000		11.513.000
Công ty TNHH Thuận Hoà Lộc	(450.000)		50.590.500
Công ty Cổ phần Thăng Lợi -Bình Thuận			469.742.490
DNTN TM Tuyết Sơn	195.358.000		92.220.000
Công ty TNHH Thành Lợi	512.711.166		612.711.166
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	458.236.916		
Các khách hàng là Đại lý bán cám	994.082.359	994.082.359	1.349.967.875
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>			
<b>Tổng cộng:</b>	<b>7.784.698.046</b>	<b>5.213.262.359</b>	<b>15.275.474.690</b>

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>1.200.882.500</b>	<b>1.585.225.000</b>
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	1.398.400.000
Công ty TNHH Xây Dựng Xuân Thọ	776.000.000	
Công ty TNHH TMDV Điện Tân Phát		90.575.000
Công ty TNHH SX TM Phương Uyên		96.250.000
Công ty TNHH TV Đầu tư xây Dựng Tín Việt	44.180.500	
Công ty TNHH CP Tư vấn thiết kế Hưng Việt	4.000.000	
Hoàng thị thu lý (Trung Tâm Phát triển cao su Tiêu Điền)	36.702.000	
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.200.882.500</b>	<b>1.585.225.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.191.138.638</b>	<b>317.820.000</b>	<b>2.000.338.360</b>	<b>317.820.000</b>
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	213.283.974		341.436.642	
Phải thu thuế TNCN người lao động	117.484.664		29.831.718	
Lãi tiền gửi phải thu	1.145.600.000		943.600.000	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát	325.200.000		303.000.000	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	56.750.000		52.650.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác XNNS Phước Hưng	7.000.000		7.000.000	
Phải thu khác (KPCĐ)	3.000.000			
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.191.138.638</b>	<b>317.820.000</b>	<b>2.000.338.360</b>	<b>317.820.000</b>

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>5.531.082.359</b>	<b>5.886.967.875</b>
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.537.000.000	4.537.000.000
Nguyễn Thị Kỳ		1.000.000
Dương Thị Yên	55.000.000	70.000.000
Lê Ngọc Tùng	91.364.340	96.364.340
Dương Minh Chiến	46.879.160	52.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	59.115.235
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Nguyễn Thanh Tự	59.500.000	60.500.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700	249.776.700
Lê Hữu Vinh	1.400.000	2.000.000
Nguyễn Thanh Quang	20.450.000	27.450.000
Phạm Ngọc Dũng	15.866.740	20.866.740
Ngô Văn Bu	194.926.684	482.712.200
Dương Văn Lợi	185.000.000	210.000.000
<b>b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</b>	-	-
<b>c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan</b>	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>5.531.082.359</b>	<b>5.886.967.875</b>

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Tổng cộng:</b>				

0424  
 TY  
 IN  
 U  
 HAT  
 IA-VUN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
<b>Tổng cộng:</b>					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.016.751.467		537.079.095	
- Công cụ, dụng cụ	681.391.516		601.033.942	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	329.344.307		13.250.714	-
- Thành phẩm	16.449.753.686		11.902.623.457	
- Hàng hoá		-		-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>18.477.240.976</b>	<b>-</b>	<b>13.053.987.208</b>	<b>-</b>

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>319.187.153</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí trồng tre và chuối tại NTCS Hoà Bình 2	249.618.228			
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú	69.568.925			
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>67.150.173.451</b>	<b>-</b>	<b>66.945.862.724</b>	<b>-</b>
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	9.652.625.735		9.846.878.177	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	57.090.367.716		56.953.143.700	
Chi phí Xây dựng cơ bản nhà máy Bàu Non			140.300.000	
Chi phí mua sắm văn phòng công ty	407.180.000			
Chi phí xây dựng cơ bản khác			5.540.847	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>67.150.173.451</b>	<b>-</b>	<b>66.945.862.724</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>39.717.294.505</b>	<b>20.489.258.294</b>	<b>3.372.410.718</b>	<b>1.432.022.320</b>	<b>40.267.502.973</b>	<b>105.278.488.810</b>
- Mua trong năm			862.117.245			862.117.245
- Đầu tư XDCB hoàn thành	548.090.909	1.307.064.192			5.877.269.528	7.732.424.629
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán	232.269.796	400.166.910	452.864.000		1.568.391.034	2.653.691.740
- Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>40.033.115.618</b>	<b>21.396.155.576</b>	<b>3.781.663.963</b>	<b>1.432.022.320</b>	<b>44.576.381.467</b>	<b>111.219.338.944</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>32.612.570.262</b>	<b>13.061.586.562</b>	<b>3.302.385.373</b>	<b>1.205.355.654</b>	<b>8.941.737.943</b>	<b>59.123.635.794</b>
- Khấu hao trong năm	1.863.723.923	1.699.800.522	103.925.166	56.666.667	1.801.330.948	5.525.447.226
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán	232.269.796	400.166.910	452.864.000		308.705.621	1.394.006.327
- Giảm khác						-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.244.024.389</b>	<b>14.361.220.174</b>	<b>2.953.446.539</b>	<b>1.262.022.321</b>	<b>10.434.363.270</b>	<b>63.255.076.693</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm	7.104.724.243	7.427.671.732	70.025.345		31.325.765.030	45.928.186.350
- Tại ngày cuối năm	5.789.091.229	7.034.935.402	828.217.424		34.142.018.197	47.964.262.251

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

	<i>Chương trình phần mềm</i>
	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	<b>340.000.000</b>
Số dư đầu năm	
Số dư cuối kỳ	<b>340.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>170.000.001</b>
Số dư đầu năm	<b>113,333,334</b>
- Khấu hao trong năm	<b>56.666.667</b>
Số dư cuối kỳ	
<b>Giá trị còn lại</b>	
- Tại ngày đầu năm	<b>226,666,666</b>
- Tại ngày cuối kỳ	<b>169.999.999</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>1.835.240.138</b>	<b>4.122.785.920</b>	<b>5.958.026.058</b>	-
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ	617.592.852	1.341.152.472	1.958.745.324	-
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ	691.295.996	667.399.655	1.358.695.651	-
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ	(11.177.258)	540.424.466	529.247.208	-
Chi phí khác ( Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)	537.528.548	1.573.809.327	2.111.337.875	-
<b>a. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.148.890.527</b>	-	<b>244.624.697</b>	<b>904.265.830</b>
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	1.148.890.527		244.624.697	904.265.830
<b>Tổng cộng:</b>	<b>2.984.130.665</b>	<b>4.122.785.920</b>	<b>6.202.650.755</b>	<b>904.265.830</b>

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn:</b>	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
<b>b) Dài hạn</b>	<b>193.784.358</b>	<b>584.761.734</b>
- Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	193.784.358	584.761.734
+ Trích chi phí thực hiện trích đo, lập bản đồ địa chính theo HĐ 01/2015/ĐĐ-TN		320.727.273
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long	193.784.358	264.034.461
<b>Tổng cộng:</b>	<b>193.784.358</b>	<b>584.761.734</b>

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.577.743.757</b>	<b>1.577.743.757</b>	<b>301.047.316</b>	<b>301.047.316</b>
Nguyễn thành Trung			31.740.000	31.740.000
Công ty cổ phần Long Sơn			66.000.000	66.000.000
Công ty TNHH XD Mỹ Khánh	114.000	114.000	81.000.000	81.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	49.211.874	49.211.874	23.710.836	23.710.836
Nguyễn Thị Tuyết	211.090.967	211.090.967	98.596.480	98.596.480
Công ty TNHH đầu tư Thái Quốc Bảo	100.000.000	100.000.000		
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	85.680.000	85.680.000		
Nguyễn thị Thu Hồng	43.528.272	43.528.272		
Công ty TNHH Duyên Thành Phát	4.400.000	4.400.000		
Bùi thị Tuyết Nhung	16.824.014	16.824.014		
Công ty TNHH SX TM Bao Bi Thủy Dương	12.941.280	63.315.000		
Công ty TNHH SX TM DV Hoàng Huy Nguyễn	9.278.500	9.278.500		
Công ty TNHH Hoa Anh Đào	76.840.000	76.840.000		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hai Sơn	881.190.849	881.190.849		
Phạm thị Phương	24.532.000	24.532.000		
Nhà máy CBMCS Bàu Non	2.112.001	2.112.001		
Võ Duy Dương (Thuê Máy photocopy)	60.000.000	60.000.000		
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)</b>				

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thái Quốc Bảo	20.000.000	297.400.000
Công ty TNHH MTV Thăng Thăng Lợi	1.275.080.000	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.927.680.000</b>	<b>930.000.000</b>

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	712.318.421	1.217.022.106	(1.225.569.599)	703.770.928
Thuế tiêu thụ đặc biệt			-	-
Thuế Xuất nhập khẩu			-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	857.827.900	48.925.086	(857.827.900)	48.925.086
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(13.864.063)	12.836.700	(45.465.764)	(46.493.127)
Thuế tài nguyên	1.396.160	3.795.840	(3.791.360)	1.400.640
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	325.047.973	2.306.844.929	(1.302.701.496)	1.329.191.406
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.882.726.391</b>	<b>3.589.424.661</b>	<b>(3.435.356.119)</b>	<b>2.036.794.933</b>
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	13.864.063			46.493.127
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.896.590.454			2.083.288.060
(*) Tiền thuế TNCN phải nộp âm là do điều chỉnh giảm số thuế TNCN năm 2016 theo quyết toán với số tiền là 108.663.430 đồng				

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<b>18. Phải trả người lao động</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền lương còn lại phải trả	7.093.542.643	4.328.858.406
<b>Tổng cộng:</b>	<b>7.093.542.643</b>	<b>4.328.858.406</b>

<b>19. Chi phí phải trả</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.457.872.986</b>	<b>3.352.376.063</b>
Tiền ăn giữa ca	111.957.787	103.695.000
- NTCS Phong Phú	28.107.787	29.715.000
- NTCS Hòa Bình	69.630.000	60.480.000
- Nhà máy CBM Bàu Non	8.220.000	8.415.000
- Nhà máy CBM Phong Phú	6.000.000	5.085.000
Tiền thuê đất	1.298.415.199	1.597.544.699
Chi phí kiểm toán BCTC	47.500.000	47.500.000
Chi phí trích lập. đo vẽ bản đồ đất		1.603.636.364
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.457.872.986</b>	<b>3.352.376.063</b>

<b>20. Phải trả khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.881.941.210</b>	<b>2.032.185.885</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282.588.250	382.588.250
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Công ty TNHH Hữu Minh		100.000.000
Lê Quốc Tuấn	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Công nghiệp Hằng Phong		16.088.765
Công ty TNHH Xây Dựng 30/04	4.400.000	4.400.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đại Xương Thạnh		107.800.000
Công ty TNHH Điện tử An Cô Việt		80.500.000
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	30.000.000	
Công ty TNHH TV Đầu tư -XDựng Tín Việt	18.775.000	
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.169.155.468	1.143.381.968
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Nguyễn Thanh Tòng (Nhân Viên DNTN Phát Hưng nộp tiền Bình Điện )	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Sản xuất cao su Liên Anh	13.200.000	
Các khoản phải trả ,phải nộp khác (BHXH XNNS	26.773.590	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phước Hưng )			
b) Dài hạn	-		-
- Lãi vay			
- Các khoản khác			
<b>Tổng cộng:</b>	<b>1.881.941.210</b>		<b>2.032.185.885</b>

<b>21. Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
-------------------------------------	-------------------	-------------------

<b>22. Dự phòng nợ phải trả</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số cuối năm</b>
	-	-		-
<b>Tổng cộng:</b>	-	-		-

<b>23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Sử dụng quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng	5.738.810.018		40.600.000	5.698.210.018
Quỹ phúc lợi	1.886.178.128		392.753.000	1.493.425.128
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ		-		-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty		32.280.000		32.280.000
<b>Tổng cộng:</b>	<b>7.624.988.146</b>	<b>32.280.000</b>	<b>433.353.000</b>	<b>7.223.915.146</b>

**24. Vốn chủ sở hữu**

<i>a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>88.326.440.768</b>	<b>21.612.573.341</b>	<b>302.439.014.109</b>
- Lãi trong năm nay			22.544.154.142	22.544.154.142
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		3.631.195.391	(3.631.195.391)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(7.405.017.000)	(7.405.017.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(120.000.000)	(120.000.000)
- Chia cổ tức			(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400.000.000)	(400.000.000)
- Giảm khác				-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>91.957.636.159</b>	<b>22.975.515.092</b>	<b>307.433.151.251</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>91.957.636.159</b>	<b>22.975.515.092</b>	<b>307.433.151.251</b>
- Lãi trong năm nay			26.753.456.062	26.753.456.062

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		1.060.327.092	(1.060.327.092)	-
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(6.036.588.000)	(6.036.588.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(78.600.000)	(78.600.000)
- Chia cổ tức			(15.400.000.000)	(15.400.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400.000.000)	(400.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>93.017.963.251</b>	<b>26.753.456.062</b>	<b>312.271.419.313</b>

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000	98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000	94.325.000.000
<b>Cộng</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>192.500.000.000</b>

<b>c) Cổ phiếu</b>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000

\* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND**

<b>25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)		
Nợ khó đòi đã xử lý		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý IV Năm nay</b>	<b>Quý IV Năm trước</b>
Doanh thu bán mủ cao su	24.171.356.000	10.862.230.000
Doanh thu gia công mủ cao su	4.046.000	511.164.600
Doanh thu gia công điều	3.490.132.850	10.282.602.311
Doanh thu bán vỏ điều	604.980.000	
Doanh thu bán thức ăn gia súc và nguyên liệu		12.031.364
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.270.514.850</b>	<b>21.668.028.275</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

<b>1. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Quý IV Năm nay</b>	<b>Quý IV Năm trước</b>
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
<b>Tổng cộng:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý IV Năm nay</b>	<b>Quý IV Năm trước</b>
Giá vốn bán mũ cao su	11.464.702.514	9.965.688.680
Giá vốn gia công mũ cao su	2.998.800	494.801.252
Giá vốn gia công điều	3.477.953.513	10.367.269.989
Giá vốn bán vỏ điều	330.360.000	
Giá vốn mũ thu mua tiêu điều chế biến	7.959.623.515	
Giá vốn bán mũ thu mua		502.500.000
Giá vốn khác (Nguyên liệu TACN xử lý)		355.265.153
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.235.638.342</b>	<b>21.685.525.074</b>
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		(835.718.390)
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.235.638.342</b>	<b>20.849.806.684</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý IV Năm nay</b>	<b>Quý IV Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.755.550.482	2.586.862.975
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.755.550.482</b>	<b>2.586.862.975</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Quý IV Năm nay</b>	<b>Quý IV Năm trước</b>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Quý IV Năm nay</b>	<b>Quý IV Năm trước</b>
Chi phí bốc xếp mũ cao su xuất bán	48.816.291	10.342.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.816.291</b>	<b>10.342.800</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý IV Năm nay</b>	<b>Quý IV Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	2.583.434.539	813.366.882
Khấu hao tài sản cố định	84.831.700	52.251.475
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	55.609.180	26.250.094
Chi phí trợ cấp mất việc làm	478.585.750	35.328.750
Thuế, phí và lệ phí		1.598.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	895.211.796	827.109.519
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(303.485.516)	
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.794.187.449</b>	<b>1.755.905.088</b>
<b>Các khoản giảm trừ chi phí quản lý</b>	<b>282.141.000</b>	<b>288.744.110</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.512.046.449</b>	<b>1.467.160.978</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu từ bán cây cao su gãy đổ	32.330.000	73.410.000
Gía trị còn lại cây cao su gãy đổ	(71.586.747)	
Thu từ bán bao bì đựng điều nhân	5.130.000	25.846.250
Thu từ bán mũ bột nhà máy	25.075.000	20.500.000
Thu khác	1.252.221.230	48.470.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.243.169.483</b>	<b>168.226.250</b>

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
<b>8. Chi phí khác</b>		
Gía trị còn lại chi phí thanh lý tài sản cố định (Cây cao su gãy đổ)	71.586.747	171.212.062
Chi phí khấu hao tài sản không liên quan	24.660.829	26.567.450
Chi phí khác	76.634.162	54.054.975
Tiền thuê đất XNCBNS Phước Hưng .Nhà máy CBTAGS Hưng Long	1.329.191.406	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.430.486.397</b>	<b>251.834.487</b>

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.612.824.874	1.449.914.787
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	3.612.824.874	1.449.914.787
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	188	75

	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.753.853.181	1.256.533.506
Chi công cụ dụng cụ	229.051.381	582.574.138
Chi phí nhân công	13.315.897.445	11.679.190.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.927.241.401	2.082.517.757
Chi phí khác bằng tiền	8.461.166.298	5.808.326.100
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.687.209.706</b>	<b>21.409.142.335</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
- Thông tin về các bên liên quan:

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

*Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng thực nhận trong kỳ.*

Thu nhập	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị	05			72.000.000	72.000.000
- Ban Kiểm toán nội bộ	03			18.000.000	18.000.000
- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	03	213.773.538			213.773.538
<b>Cộng</b>		<b>213.773.538</b>		<b>90.000.000</b>	<b>303.773.538</b>

**Giao dịch với các bên có liên quan**

Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý IV năm 2017 (đồng)
- Công ty bán cây cao su gây đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn, Phó Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty	32.330.000
- Công ty mua phân hữu cơ vi sinh của Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Bách Tùng	Cổ đông lớn, Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty.	63.315.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến mủ cao su Bà Non: Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

**BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT QUÝ IV NĂM 2017**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	VĂN PHÒNG CÔNG TY	XÍ NGHIỆP PHƯỚC HƯNG	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>1, Doanh thu thuần</b>	<b>24.175.402.000</b>	<b>4.095.112.850</b>	<b>28.270.514.850</b>
2. Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác			-
3. Khấu hao	1.230.673.043	219.971.951	1.450.644.994
<b>4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.752.773.369</b>	<b>289.473.967</b>	<b>4.042.247.336</b>
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	991.764.192	175.000.000	1.166.764.192



# CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. Tài sản bộ phận	321.453.734.915	14.063.668.200	335.517.403.115
7. Tài sản không phân bổ			-
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>321.453.734.915</b>	<b>14.063.668.200</b>	<b>335.517.403.115</b>
8. Nợ phải trả bộ phận	22.985.680.961	260.302.841	23.245.983.802
9. Nợ phải trả không bộ phận			-
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>22.985.680.961</b>	<b>260.302.841</b>	<b>23.245.983.802</b>

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

5. Thông tin so sánh:
6. Thông tin về hoạt động liên tục:
7. Những thông tin khác:

Người lập

(Ký, họ tên)

Trần Hữu Trí

Kế toán trưởng

Nguyễn Nhật Thành Lâm

Bà Rịa, ngày 16 tháng 01 năm 2018

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

